



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 194 - 2022/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/06/2022

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 43B04/22
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 08/06/2022
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,04
3	Độ đục	NTU	TCVN6184:2008	2	1,05
4	Hàm lượng Sắt tổng	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
5	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN6194:1996	250	8,42
6	Độ cứng tổng	mg/l	TCVN6224:1996	300	21,57
7	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,01)
8	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	11,40
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	67
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,05
11	Hàm lượng Sunfat	mg/l	EPA 375.4	250	4,00
12	Hàm lượng Mangan	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	0,06
13	Chỉ số Permanganat	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ= 0,57)
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,04
15	Clo Tổng số	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,62
16	Coliform	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

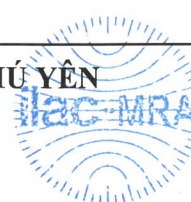
Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 195 - 2022/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/06/2022

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Nhà làm việc NMN Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 44M₁04/22
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 08/06/2022
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,03
3	Độ đục	NTU	TCVN6184:2008	2	0,88
4	Hàm lượng Sắt tổng	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
5	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN6194:1996	250	11,45
6	Độ cứng tổng	mg/l	TCVN6224:1996	300	22,08
7	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,01)
8	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	9,10
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	73
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,05
11	Hàm lượng Sunfat	mg/l	EPA 375.4	250	4,00
12	Hàm lượng Mangan	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,04)
13	Chỉ số Permanganat	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ= 0,57)
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,01)
15	Clo Tổng số	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,48
16	Coliform	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú: *Nguyễn Tồn Thuận*

- Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 196 - 2022/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/06/2022

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Phước Lý - NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 45M₂04/22
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 08/06/2022
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,99
3	Độ đục	NTU	TCVN6184:2008	2	0,43
4	Hàm lượng Sắt tổng	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,05)
5	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN6194:1996	250	13,47
6	Độ cứng tổng	mg/l	TCVN6224:1996	300	23,11
7	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,01)
8	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ= 4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	67
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,05
11	Hàm lượng Sunfat	mg/l	EPA 375.4	250	3,80
12	Hàm lượng Mangan	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,04)
13	Chỉ số Permanganat	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ= 0,57)
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo Tổng số	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT****BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021